TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**
Số: 319/2024/QĐST-HNGĐ	*TP. T, ngày 30 tháng 8 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 421/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Hoàng Tuấn A, sinh năm 1987.

Địa chỉ: SN383 phố M, phường Q, thành phố T, tỉnh T.

- Chị Ngô Thị Hoàng D, sinh năm 1989.

Địa chỉ: SN05/47 đường V, phường O, thành phố T, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Tuấn A và chị D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới theo phong tục truyền thống vào năm 2020. Sau đó anh chị đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố T, tỉnh T vào năm 2021. Đo đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân từ khoảng thời gian đó cho đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Anh Tuấn A và chị D đều thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Tuấn A, chị D thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, sự thỏa thuận của anh chị về việc thuận tình ly hôn là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[2] Về con chung: Anh Tuấn A và chị D có 01 (một) con chung là Hoàng Trọng Nhật Thành, sinh ngày 26/02/2021. Khi ly hôn anh Tuấn A, chị D thỏa thuận giao cháu Thành cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh Tuấn A cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi có quyết định của Tòa án cho đến khi cháu Thành đủ 18 tuổi. Xét thấy việc thỏa thuận của anh, chị về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận của anh, chị.

[3] Về tài sản và công nợ chung: Anh Tuấn A và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí: Anh Tuấn A và chị D thỏa thuận anh Tuấn A chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm, xét đây là sự tự nguyện của anh chị nên chấp nhận.

[5] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Tuấn A và chị Ngô Thị Hoàng D.

- Về con chung: Anh Tuấn A và chị D có 01 (một) con chung là Hoàng Trọng Nhật Thành, sinh ngày 26/02/2021. Ly hôn, giao cháu Thành cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Tuấn A cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng chẵn). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi cháu Thành đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Tuấn A chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0001605 ngày 14/8/2024, anh Tuấn A đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND TP.T;
- Đương sự;
- Chi cục THADS TP.T;
- UBND P. Q, TP. T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Linh